

TÀI LIỆU HỌC TẬP
HIỂU BIẾT CHUNG VỀ QUÂN BINH CHỦNG

(HỌC PHẦN IV MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

MỤC LỤC

	Trang
Chương 1: Giới thiệu chung về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng	3
1.1. Tổ chức và hệ thống tổ chức trong quân đội nhân dân Việt Nam	3
1.1.1. Những vấn đề chung về quân đội nhân dân Việt Nam	3
1.1.2. Hệ thống tổ chức quân đội nhân dân Việt Nam	4
1.2. Chức năng, nhiệm vụ chính của một số cơ quan, đơn vị trong quân đội nhân dân Việt Nam	4
Chương 2: Lịch sử, truyền thống quân, binh chủng	7
2.1. Quân chủng Lục quân	7
2.1.1. Những vấn đề chung về Lục quân	7
2.1.2. Giới thiệu chung về các binh chủng của Lục quân	7
2.1.3. Giới thiệu chung về các quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô	8
2.1.4. Giới thiệu chung về các quân đoàn	14
2.2. Quân chủng Hải quân	21
2.2.1. Chức năng, nhiệm vụ các binh chủng của quân chủng Hải quân	21
2.2.2. Các Bộ Tư lệnh thuộc quân chủng Hải quân	25
2.3. Quân chủng Phòng không – Không quân	26
2.3.1. Tổ chức chung	26
2.3.2. Chức năng, nhiệm vụ	26

Chương 1

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG CÁC QUÂN, BINH CHỦNG

1.1. Tổ chức và hệ thống tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam

1.1.1. Những vấn đề chung về Quân đội nhân dân Việt Nam

- Khái niệm

QĐNDVN, QĐ của nước CHXHCNVN (VNDCCH), đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp mọi mặt của ĐCSVN, thuộc quyền thống lĩnh của chủ tịch nước CHXHCNVN và chỉ huy điều hành của BT BQP, một quân đội kiểu mới, QĐ của dân do chủ tịch HCM tổ chức, giáo dục và rèn luyện, lực lượng nòng cốt của LLVTNDVN trong nhiệm vụ giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc. QĐNDVN mang bản chất giai cấp công nhân, tính dân tộc và tính nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, có mục tiêu chiến đấu nhất quán vì ĐLTD của TQ, vì CNXH, vì hạnh phúc của nhân dân

- Thành phần cơ cấu Quân đội nhân dân Việt Nam

QĐND bao gồm: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng, lực lượng thường trực và lực lượng dự bị, các quân chủng LQ, HQ, PK-KQ. Lực lượng không tổ chức thành quân chủng độc lập mà gồm các quân đoàn binh chủng hợp thành, các binh chủng: pháo binh, tăng thiết giáp, đặc công, công binh, hóa học, thông tin. Trên các hướng chiến lược tổ chức các quân khu có các đơn vị chủ lực thuộc QK và các đơn vị bộ đội địa phương trên địa bàn QK (tỉnh, huyện), hệ thống các đơn vị bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, các học viện viện nghiên cứu, trường đào tạo sĩ quan, trường nghiệp vụ các cấp, các xí nghiệp quốc phòng, các binh đoàn làm kinh tế. giúp BTrưởng BQP có các cơ quan BTTM, TCCT, TCHC, TCKT, TCCNQP, Tổng cục II và các tổ chức trực thuộc khác... Lực lượng trên được tổ chức theo một hệ thống thống nhất, chặt chẽ, nghiêm ngặt từ toàn quân đến cơ sở.

Từ khi thành lập đến nay QĐ ta đã giành thắng lợi vĩ đại, lập nên nhiều chiến công oanh liệt, đó là những mốc lịch sử đánh dấu bước đường lớn mạnh và trưởng thành nhanh chóng của QĐNDVN. Trong giai đoạn mới của CM, QĐNDVN đang tập trung xây dựng về mọi mặt theo hướng CM, chính qui tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Trong cuộc chiến đấu lâu dài, gian khổ, khó khăn chống lại những đội quân xâm lược lớn và hiện đại của CNĐQ, QĐNDVN đã phát huy bản chất của QĐCM, trung thành vô hạn với TQ, với nhân dân, với ĐCSVNCNXH, vừa là đội quân chiến đấu, vừa là đội quân công tác và sản xuất, đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân, đoàn kết quốc tế, dân chủ rộng rãi, kỷ luật tự giác nghiêm minh. Bản chất đó được phát huy trong thực tế chiến đấu và xây dựng đã tạo nên truyền thống “trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì ĐLTD của TQ, vì CNXH. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua kẻ thù nào cũng đánh thắng”. Nhân dân VN đã ghi nhận và khen ngợi bản chất, truyền thống tốt đẹp của QĐNDVN bằng danh hiệu cao quý Bộ đội Cụ Hồ.

1.1.2. Hệ thống tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam

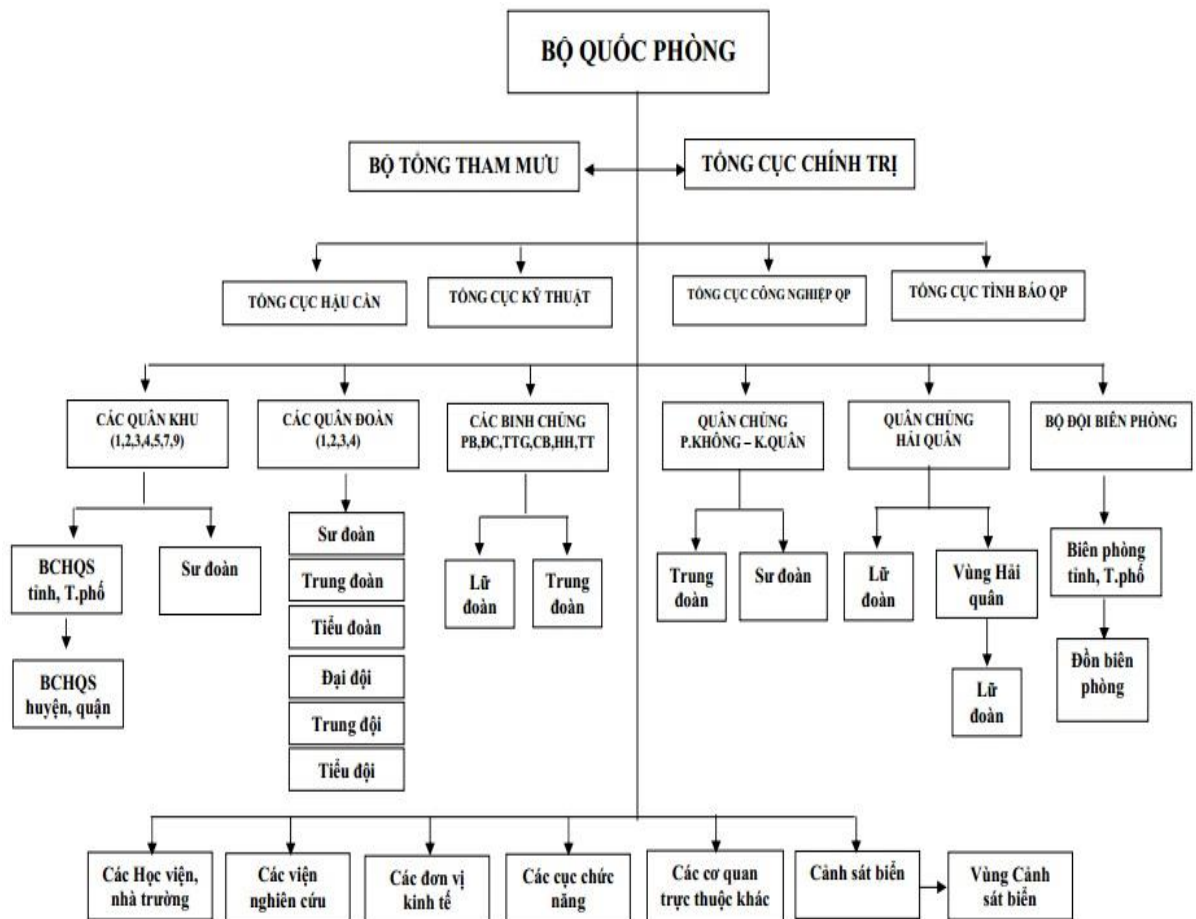
- Hệ thống tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ chính trị của quân đội. Phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể của đất nước. Truyền thống tổ chức quân đội của dân tộc qua từng giai đoạn lịch sử (mỗi giai đoạn lịch sử có quy mô, tổ chức quân đội khác nhau).

Nhìn tổng quát, tổ chức QĐND Việt Nam bao gồm:

Bộ quốc phòng và các cơ quan bộ quốc phòng, các đơn vị trực thuộc bộ quốc phòng. Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có các bộ chỉ huy quân sự, ban chỉ huy (tỉnh đội, huyện đội...).

- Hệ thống tổ chức Bộ Quốc Phòng



1.2. Chức năng, nhiệm vụ chính của một số cơ quan, đơn vị trong Quân đội nhân dân Việt Nam

1. Bộ quốc phòng

Là cơ quan lãnh đạo, chỉ huy, quản lý cao nhất của toàn quân.

2. Bộ tổng tham mưu và cơ quan tham mưu các cấp trong quân đội nhân dân Việt Nam.

Là cơ quan chỉ huy các lực lượng vũ trang, có chức năng bảo đảm trình độ SSCĐ của LLVT và điều hành mọi hoạt động quân sự Quốc phòng trong thời bình và thời chiến.

3. Tổng cục chính trị và cơ quan chính trị các cấp trong quân đội nhân dân Việt Nam.

Là cơ quan đảm nhiệm CTĐ – CTCT trong QĐND, hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp thường xuyên của bộ chính trị, Quân ủy trung ương, các cấp ủy đảng cùng cấp.

Nhiệm vụ : CTCT và cơ quan chính trị các cấp căn cứ vào nghị quyết, chỉ thị của Đảng, sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên, đề xuất những chủ trương, giải pháp, kế hoạch CTĐ– CTCT của toàn dân, của từng đơn vị, các tổ chức. Tiên hành và thực hiện tốt CTĐ – CTCT bảo đảm cho quân đội thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao.

4. Tổng cục hậu cần và cơ quan hậu cần các cấp.

Là cơ quan tham mưu bảo đảm về mặt hậu cần của toàn quân và từng đơn vị.

Nhiệm vụ: TCHC, cơ quan hậu cần các cấp, nghiên cứu đề xuất các vấn đề liên quan đến tổ chức lực lượng, chỉ đạo công tác bảo đảm hậu cần cho nền QPTD, quân đội, LLVT cả trong thời bình và thời chiến. Trực tiếp tổ chức, chỉ đạo bảo đảm hậu cần cho bộ đội, tăng gia sản xuất, tạo nguồn và nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng vật tư trang bị...

5. Tổng cục kỹ thuật và cơ quan kỹ thuật các cấp trong quân đội nhân dân Việt Nam.

Là cơ quan đảm bảo trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật phục vụ cho nhiệm vụ huấn luyện, SSCĐ và chiến đấu cho toàn quân và từng đơn vị.

6. Tổng cục công nghiệp quốc phòng, các cơ quan, đơn vị sản xuất quốc phòng.

Là cơ quan, đơn vị chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ sản xuất quốc phòng.

Chức năng nhiệm vụ: Nghiên cứu, đề xuất các vấn đề có liên quan đến tổ chức, chỉ đạo công tác công nghiệp QPTD và CTND. Trực tiếp tổ chức chỉ đạo sản xuất, tạo nguồn bảo đảm cho sản xuất của ngành CNQP trong quân đội. Tổ chức chỉ đạo nghiên cứu khoa học và huấn luyện bộ đội về CNQP.

7. Quân khu.

Là tổ chức quân sự theo địa giới hành chính một số tỉnh, thành giáp nhau, có liên quan với nhau về quân sự, quốc phòng.

8. Quân đoàn.

Là lực lượng thường trực của quân đội, là đơn vị tác chiến chiến dịch, lực lượng thường từ 3 – 4 sư đoàn bộ binh và một số lữ đoàn, trung đoàn binh chủng, bảo đảm.

9. Quân chủng.

Quân chủng là bộ phận phân loại cơ bản của quân đội, gồm có lục quân, hải quân, phòng không-không quân; mỗi bộ phận được rèn luyện chiến đấu ở một môi trường địa lý nhất định (trên bộ, trên biển hoặc trên không).

Là lực lượng quân đội được tổ chức, biên chế, trang bị, huấn luyện, theo đặc trưng chức năng, nhiệm vụ và phương thức tác chiến riêng. Hiện nay ta có quân chủng hải quân, lục quân và phòng không – không quân.

10. Bộ đội biên phòng.

Là một phận của QĐND Việt Nam. Chức năng chủ yếu là quản lý nhà nước đối với biên giới quốc gia, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, lợi ích quốc gia, giữ gìn an ninh biên giới, vùng biển đảo của tổ quốc.

11. Binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam.

Binh chủng là bộ phận trong quân chủng, được phân loại theo trang bị vũ khí và chức năng tác chiến khác nhau. Ví dụ, trong quân chủng lục quân Việt Nam có các binh chủng bộ binh, pháo binh, đặc công,...

Là những ngành chuyên môn chiến đấu và bảo đảm chiến đấu cho quân đội.

12. Cảnh sát biển Việt Nam một số tài liệu còn viết là **Tuần duyên Việt Nam**, là lực lượng quân sự chuyên trách thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm việc chấp hành pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên trên các vùng biển và thềm lục địa của nước này.

Chương 2

LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG CÁC QUÂN, BINH CHỦNG

2.1. Quân chủng Lục quân

2.1.1. Những vấn đề chung về Lục Quân

Lục quân Việt Nam không tổ chức thành bộ tư lệnh riêng mà đặt dưới sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị; sự chỉ đạo chuyên ngành của các tổng cục và cơ quan chức năng khác. Khi mới thành lập, Quân đội nhân dân Việt Nam chỉ có lục quân với bộ binh là chính. Qua quá trình xây dựng, Lục quân đã từng bước phát triển cả về quy mô tổ chức và lực lượng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và phương thức tác chiến của chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Lục quân có 07 quân khu (1, 2, 3, 4, 5, 7, 9) và Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội; 06 binh chủng (gồm Pháo binh, Tăng - Thiết giáp, Công binh, Thông tin, Hoá học, Đặc công); 04 quân đoàn (1, 2, 3, 4). Các quân khu, quân đoàn, binh chủng có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật và các đơn vị trực thuộc khác. Các quân khu được tổ chức trên các hướng chiến lược và theo địa bàn. Quân khu có các sư đoàn và trung đoàn chủ lực trực thuộc. Quân khu chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu. Quân đoàn là đơn vị cơ động lớn nhất của Lục quân, được bố trí để bảo vệ các địa bàn chiến lược trọng yếu của quốc gia, Quân đoàn có các sư đoàn và các đơn vị trực thuộc. Các binh chủng tham gia tác chiến hợp đồng quân binh chủng theo phân công đồng thời thực hiện chức năng bảo đảm kỹ thuật và huấn luyện, đào tạo sĩ quan, nhân viên kỹ thuật theo các chuyên ngành cho toàn quân. Các binh chủng có các đơn vị chiến đấu trực thuộc, các trường sĩ quan và trường kỹ thuật theo chuyên ngành.

2.1.2. Giới thiệu chung về các binh chủng của Lục Quân

Lục quân là một quân chủng trong quân đội hoạt động chủ yếu trên mặt đất, thường có số quân đông nhất, có trang bị và phương thức tác chiến đa dạng, phong phú. Là lực lượng chính quyết định kết cục của chiến tranh.

Bộ binh: lực lượng chủ yếu của lục quân, được trang bị nhẹ để tác chiến trên bộ; đảm nhiệm chức năng chủ yếu là tiêu diệt đối phương, đánh chiếm trận địa của chúng và giữ vững trận địa của mình. Là binh chủng cổ nhất trong lịch sử và thường là binh chủng đầu tiên được xây dựng trong các quân đội. Từ giữa thế kỉ 20, phần lớn các nước công nghiệp có xu hướng phát triển BB thành BB cơ giới

Bộ binh cơ giới: bộ binh được trang bị xe chiến đấu bọc thép để cơ động và chiến đấu, có thể thực hành chiến đấu ngay trên xe hoặc với đội hình đi bộ. So với bộ binh, BBCG được trang bị hỏa lực mạnh hơn và có sức cơ động cao hơn.

- *Pháo binh*: Lực lượng hỏa lực chủ yếu của lực quân, thường được trang bị các loại pháo, tên lửa và súng cối, dùng để sát thương, tiêu diệt các mục tiêu và trực tiếp chi viện hỏa lực cho các lực lượng tác chiến trên mặt đất, mặt nước, có thể chiến đấu hiệp đồng hoặc độc lập.

- *Tăng - thiết giáp*: Chịu trách nhiệm tác chiến đột kích trên bộ và đồ bộ (hải quân), được trang bị các loại xe tăng, xe thiết giáp, với hỏa lực mạnh, sức cơ động cao.

- *Đặc công*: Một lực lượng đặc biệt tinh nhuệ được tổ chức, trang bị và huấn luyện đặc biệt, có phương pháp tác chiến linh hoạt, táo bạo, bất ngờ, thường dùng để đánh các mục tiêu hiểm yếu nằm sâu trong đội hình chiến đấu, bố trí chiến dịch và hậu phương của địch.

- *Công binh*: Có chuyên môn kỹ thuật với chức năng bảo đảm công binh trong chiến đấu và xây dựng, có thể trực tiếp chiến đấu bằng vũ khí công binh.

- *Thông tin liên lạc*: Có chức năng bảo đảm thông tin liên lạc cho hệ thống chỉ huy trong toàn quân.

- *Hóa học*: Một binh chủng chuyên môn kỹ thuật, có chức năng bảo đảm hóa học cho tác chiến, làm nòng cốt trong việc phòng chống vũ khí hủy diệt lớn, nguy trang bảo vệ các mục tiêu quan trọng của quân đội, nghi binh đánh lừa địch bằng màn khói. Bộ đội Hóa học còn có thể trực tiếp chiến đấu bằng vũ khí bộ binh và súng phun lửa.

Như thế, lực quân và bộ binh hoàn toàn khác nhau. Lực quân là một quân chủng trong quân đội. Bộ binh là một binh chủng chủ yếu của quân chủng Lực quân, gồm những người lính chiến đấu chủ yếu ở trên bộ, được trang bị các loại vũ khí nhỏ (súng trường, súng lục, lựu đạn...), mặc dù họ có thể được đưa đến chiến trường bằng ngựa, tàu thuyền, ô-tô, máy bay hay các phương tiện khác.

2.1.3. Giới thiệu chung về các Quân khu và BTL Thủ đô

- Quân khu 1

Trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, nằm ở vị trí địa - chính trị chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và đối ngoại trong thế bố trí chung của cả nước, bảo vệ vùng Đông Bắc gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh. Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy lực lượng vũ trang 3 thứ quân; thường xuyên nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chú trọng nâng cao chất lượng huấn luyện, khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang ba thứ quân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc; tích cực tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn, giúp nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Tư lệnh kiêm Chính ủy đầu tiên của Quân khu 1 là đồng chí Đàm Quang Trung.

Hiện nay, Quân khu 1 có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính ủy và Phó Chính ủy; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính

trị, hậu cần, kỹ thuật, các sư đoàn và trung đoàn chủ lực và các đơn vị trực thuộc khác. Quân khu 1 chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu

Ngày truyền thống: 16/10/1945

Truyền thống vẻ vang:

“TRUNG HIỆU, TIỀN PHONG, ĐOÀN KẾT, CHIẾN THẮNG”

Phần thưởng cao quý:

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc qua các thời kỳ, Lực lượng vũ trang Quân khu 1 đã được Đảng, Nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Sao vàng, 02 Huân chương Hồ Chí Minh, 03 Huân chương Độc lập, 10 Huân chương Quân công, hàng nghìn lượt tập thể đơn vị, hàng vạn cá nhân được thưởng Huân chương Chiến công các hạng; 346 đơn vị và 206 cá nhân được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong kháng chiến, 06 đơn vị được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang thời kỳ đổi mới (lực lượng vũ trang huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; lực lượng vũ trang và nhân dân xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng; Trung đoàn Xe tăng 409; Lữ đoàn Công binh 575; Lữ đoàn Pháo binh 382; Tiểu đoàn Hoá học 23/ Bộ Tham mưu); 916 Mẹ Việt Nam Anh hùng và nhiều phần thưởng cao quý khác của bạn bè quốc tế.

- Quân khu 2

Quân khu 2 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, nằm ở vị trí địa - chính trị chiến lược bảo vệ vùng Tây Bắc gồm 9 tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà Giang, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc. Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy các cơ quan, đơn vị trực thuộc; các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn quân khu. Tư lệnh và Chính uỷ đầu tiên của Quân khu 2 là các đồng chí Bằng Giang, Bùi Quang Tạo.

Hiện nay, Quân khu 2 có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, các sư đoàn và trung đoàn chủ lực và các đơn vị trực thuộc khác. Quân khu 2 chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu.

Ngày truyền thống: 19/10/1946

Truyền thống vẻ vang:

“TRUNG THÀNH, TỰ LỰC, ĐOÀN KẾT, ANH DŨNG, CHIẾN ĐẤU”

- Quân khu 3

Quân khu 3 trực thuộc Bộ Quốc phòng, nằm ở vị trí địa - chính trị chiến lược bảo vệ vùng Đồng bằng sông Hồng gồm 9 tỉnh: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam, Hòa Bình. Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy các cơ quan, đơn vị trực thuộc; các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn quân

khu. Tư lệnh, Chính uỷ đầu tiên của Quân khu 3 là các đồng chí Hoàng Sâm, Trần Độ.

Hiện nay, Quân khu 3 có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, các sư đoàn và trung đoàn chủ lực và các đơn vị trực thuộc khác. Quân khu 3 chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu.

Ngày truyền thống: 31/10/1945.

Truyền thống vẻ vang:

“ĐOÀN KẾT, CHỦ ĐỘNG, SÁNG TẠO, HY SINH, CHIẾN THẮNG”

- *Quân khu 4*

Quân khu 4 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, nằm trên một địa bàn chiến lược trong thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam, bảo vệ vùng Bắc Trung Bộ gồm 6 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế có nhiệm vụ chỉ huy, quản lý và tổ chức lực lượng vũ trang quân khu chiến đấu bảo vệ vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam.

Thực hiện chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 15/10/1945 Chiến khu 4 được thành lập gồm 6 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế và ngày này trở thành Ngày truyền thống của lực lượng vũ trang Quân khu 4. Ngày 03/6/1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Sắc lệnh số 17/SL về việc thành lập Quân khu 4 trên cơ sở Liên khu 4.

Tư lệnh, Chính uỷ đầu tiên của Quân khu 4 là các đồng chí Nguyễn Đôn, Chu Huy Mân.

Hiện nay, Quân khu 4 có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, các sư đoàn và trung đoàn chủ lực và các đơn vị trực thuộc khác. Quân khu 4 chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu.

Ngày truyền thống: 15/10/1945

Phần thưởng cao quý:

- *Quân khu 5*

Quân khu 5 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, hiện nay có chức năng nhiệm vụ cơ bản là tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy lực lượng vũ trang thuộc Quân khu chiến đấu bảo vệ vùng Nam Trung Bộ, xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân ở địa phương trên địa bàn. Địa bàn Quân khu 5 bắt đầu từ đèo Hải Vân đến cực nam tỉnh Ninh Thuận, bảo vệ vùng Nam Trung Bộ gồm 11 tỉnh thành phố: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk và Đắk Nông. Tổ chức hiện nay có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh; Chính uỷ và Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm

các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, các sư đoàn, trung đoàn chủ lực và các đơn vị trực thuộc.

Ngày truyền thống: 16/10/1945

Truyền thống vẻ vang:

“TỰ LỰC TỰ CƯỜNG, KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, CHỊU ĐỪNG GIAN KHỔ, MUỖ TRÍ SÁNG TẠO, CHIẾN ĐẤU KIÊN CƯỜNG, CHIẾN THẮNG VẺ VANG”.

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm và 35 năm xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, lực lượng vũ trang Quân khu 5 đã có 162.768 liệt sỹ hy sinh vì sự nghiệp độc lập, tự do của dân tộc, hơn 100 nghìn thương, bệnh binh, 13.772 Mẹ Việt Nam Anh hùng. Với những đóng góp to lớn vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, lực lượng vũ trang Quân khu 5 đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý:

- Huân chương Sao vàng (1985);

- 898 tập thể và 392 cá nhân và được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, trong đó có: Trung đoàn Ba Gia - đơn vị được 3 lần tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Trung đoàn Ba Gia và các đơn vị được 2 lần tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân: Sư đoàn 2; Trung đoàn 95; Trung đoàn 812; Tiểu đoàn 840/Trung đoàn 812; Đại đội Công binh Hải Vân/Quảng Đà; Đại đội 2/Trung đoàn 66; Đại đội 5/26/Đoàn 5504; Lực lượng vũ trang và nhân dân các địa phương huyện Duy Xuyên và (Quảng Nam); Lực lượng vũ trang và nhân dân các địa phương huyện Đại Lộc (Quảng Nam); xã Tịnh Khê (Sơn Tịnh, Quảng Ngãi); xã Hoà Hải (Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng).

Trong thời kỳ đổi mới, lực lượng vũ trang Quân khu 5 có 5 tập thể vinh dự được Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (lực lượng vũ trang và nhân dân huyện Đại Lộc/Quảng Nam, Lữ đoàn công binh 270, Viện Quân y 13, Trung đoàn Pháo binh 368 và Binh đoàn 15), 1 cá nhân được Nhà nước tuyên dương Anh hùng Lao động; 25 tập thể được tặng Cờ Thủ tướng Chính phủ; 85 tập thể và 35 cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 68 tập thể được tặng Cờ Thi đua Bộ Quốc phòng; 542 tập thể và cá nhân được Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen và các hình thức khen thưởng khác.

- *Quân khu 7*

Quân khu 7 là tổ chức quân sự theo vùng lãnh thổ, được thành lập ngày 10/12/1945, bao gồm thành phố Sài Gòn và các tỉnh Gia Định, Chợ Lớn, Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một và Tây Ninh. nằm trên một địa bàn chiến lược trong thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam, bảo vệ vùng Đông Nam Bộ Nay gồm Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Đồng Nai, Lâm Đồng, Long An và Tây Ninh.

Trong 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, lực lượng vũ trang Quân khu 7

vừa xây dựng vừa chiến đấu, từ trong muôn vàn thiếu thốn, gian khổ hy sinh, đã sáng tạo ra những cách đánh hết sức độc đáo, có hiệu quả, lập nên nhiều chiến công xuất sắc ở cả ba vùng đô thị, đồng bằng và rừng núi, góp phần làm chuyển đổi cục diện chiến trường, lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của địch, cùng quân và dân cả nước làm nên trận Điện Biên Phủ và cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975.

Trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến tranh giải phóng dân tộc, lực lượng vũ trang Quân khu 7 thực hành quân quản, sắp xếp lại lực lượng, khắc phục hậu quả chiến tranh, tham gia xây dựng chế độ xã hội mới: Vừa đánh bại kiểu chiến tranh phá hoại của địch, xây dựng tiềm lực quân sự - quốc phòng, vừa kiên cường chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam, làm nhiệm vụ Quốc tế xây dựng và bảo vệ đất nước Campuchia, góp phần đập tan chế độ diệt chủng Pôn Pốt. Trong bối cảnh lịch sử mới, lực lượng vũ trang Quân khu 7 tập trung xây dựng đơn vị cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, ra sức huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trải qua hơn 60 năm, xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, lực lượng vũ trang Quân khu 7 được tặng thưởng: 02 Huân chương Sao vàng, 02 Huân chương Hồ Chí Minh, 01 Huân chương Quân công hạng nhất và 340 cá nhân Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Thành phố Hồ Chí Minh và hầu hết các tỉnh của Quân khu 7 đều được tặng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Lực lượng vũ trang Quân khu 7 luôn chú trọng việc quán triệt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng ủy quân sự Trung ương, Bộ quốc phòng, vận dụng linh hoạt sáng tạo đường lối quân sự, đường lối ngoại giao, thống nhất ý chí và hành động, khắc phục khó khăn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Kế thừa và phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng mà ông, cha đã dày công vun đắp, pháp đấu xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu 7 ngày càng lớn mạnh, tô thắm thêm truyền thống vẻ vang: ***“Trung thành vô hạn, chủ động sáng tạo, tự lực tự cường, đoàn kết quyết thắng”*** lực lượng vũ trang Quân khu 7 mãi mãi xứng đáng với sự tin yêu của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

- Quân khu 9

Quân khu 9 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt nam nằm trên một địa bàn chiến lược trong thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam, bảo vệ vùng Đồng bằng Sông Cửu long gồm 12 tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cần Thơ, An Giang, Hậu Giang, Kiên giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau. có nhiệm vụ quản lý, tổ chức, xây dựng và chỉ huy quân đội chiến đấu bảo vệ vùng Đồng bằng Sông Cửu long Việt Nam. Tư lệnh và Chính uỷ đầu tiên của Quân khu 9 là các đồng chí Nguyễn Thành Thơ, Nguyễn Văn Bé.

Hiện nay, Quân khu 9 có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, các sư đoàn và trung đoàn chủ lực và các đơn vị trực thuộc khác. Quân khu 9 chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu.

Ngày truyền thống: 10/12/1945

- Bộ Tư Lệnh Thủ đô Hà Nội

Ra đời từ phong trào cách mạng của quần chúng, lực lượng vũ trang (LLVT) Thủ đô Hà Nội là một bộ phận quan trọng của LLVT nhân dân Việt Nam đã kế thừa, phát huy truyền thống anh hùng bất khuất chống ngoại xâm của Thủ đô Hà Nội, truyền thống “Ngàn năm văn hiến Thăng Long - Hà Nội” cùng các tầng lớp nhân dân Thủ đô viết nên trang sử hào hùng, góp phần làm rạng danh non sông đất nước.

Trước và trong cách mạng tháng Tám, các đội tiên thân của LLVT Thủ đô xung kích đi đầu, làm nòng cốt cho các tầng lớp nhân dân Hà Nội đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, tích cực chuẩn bị mọi điều kiện khi thời cơ đến vùng dậy khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, góp phần quyết định thắng lợi cách mạng tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị hơn 80 năm của chủ nghĩa thực dân, lật đổ chế độ phong kiến mấy nghìn năm, giành độc lập tự do cho dân tộc, mang lại quyền làm chủ cho nhân dân Việt Nam. LLVT Thủ đô Hà Nội đã cùng các tầng lớp nhân dân kiên quyết đấu tranh đập tan hoạt động chống phá của kẻ thù, bảo vệ vững chắc thành quả của cách mạng, đưa cách mạng Việt Nam thoát ra khỏi tình thế ngàn cân treo sợi tóc.

Sau khi được thành lập, ngày 19/12/1946 hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chấp hành quyết định của Thường vụ Trung ương Đảng, quân và dân Chiến khu XI với tinh thần “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh” đã nổ súng mở đầu cho toàn quốc kháng chiến. Lịch sử dân tộc Việt Nam nói chung, quân và dân Thủ đô nói riêng mãi mãi lưu truyền cuộc chiến đấu 60 ngày đêm, làm thất bại âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp, vượt chỉ tiêu Trung ương giao, bảo vệ tuyệt đối an toàn cơ quan đầu não của Đảng, Nhà nước, tạo điều kiện cho cả nước có thời gian thực hiện công việc kháng chiến lâu dài. Suốt chặng đường kháng chiến chống thực dân Pháp, LLVT Thủ đô Hà Nội đã kiên trì trụ vững bám dân, bám đất, xây dựng cơ sở, dựa vào dân chiến đấu và lập được nhiều chiến công vẻ vang. Nhiều trận đánh tiêu biểu, hiệu quả để lại kinh nghiệm quý cho chiến tranh nhân dân, góp phần tạo ra bước ngoặt quan trọng trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Các địa phương thuộc tỉnh Hà Đông và Sơn Tây là địa bàn hoạt động của các đơn vị LLVT Mặt trận Hà Nội, nhiều địa phương được xây dựng thành căn cứ kháng chiến và căn cứ của Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội, hai tỉnh cung cấp nhiều nhất cho Hà Nội lương thực, thực phẩm...

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, lực lượng vũ trang Thủ đô vừa sản xuất, vừa tăng cường chi viện cho chiến trường, dũng cảm, kiên cường,

mưu trí, sáng tạo, phối hợp chặt chẽ với lực lượng phòng không, không quân quốc gia đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc, đỉnh cao là cuộc chiến đấu 12 ngày đêm cuối tháng Chạp năm 1972, lập nên kỳ tích của thế kỷ XX Hà Nội “Điện Biên Phủ trên không” để trở thành “Thủ đô lương tri và phẩm giá con người”.

Thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, LLVT Thủ đô luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, vượt mọi khó khăn, vừa tăng cường chỉ viện cho các mặt trận bảo vệ biên giới, làm nhiệm vụ quốc tế, vừa là lực lượng nòng cốt góp phần cùng các tầng lớp nhân dân Thủ đô làm thất bại âm mưu thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc thành quả của cách mạng, bảo vệ, kiến thiết Thủ đô ngày càng văn minh, hiện đại.

Trong quá trình xây dựng, chiến đấu, trưởng thành, các thế hệ cán bộ, chiến sĩ LLVT Thủ đô Hà Nội lập nên những chiến công oanh liệt, viết nên những trang sử hào hùng, góp phần quan trọng vào thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Sự hy sinh, cống hiến cùng những chiến công của các thế hệ cán bộ, chiến sĩ đã hun đúc nên giá trị tiêu biểu, đặc sắc như lời Bác Hồ khen “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh”.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự thương yêu đùm bọc giúp đỡ của nhân dân, lớp lớp các thế hệ cán bộ, chiến sĩ LLVT Thủ đô đã không ngại gian khổ hy sinh ra sức phấn đấu xây dựng và vun đắp nên truyền thống Anh hùng, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ cấp trên giao. Kế thừa, phát huy truyền thống vẻ vang của LLVT Thủ đô là vinh dự và trách nhiệm của mỗi cán bộ, chiến sĩ LLVT Thủ đô hôm nay.

Ngày truyền thống

Để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện, ngày 19/10/1946, Chiến khu XI - Tổ chức hành chính quân sự thống nhất của các LLVT Thủ đô Hà Nội được thành lập. Chiến khu XI đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương. Ngày 25/7/1947 trước yêu cầu của cuộc kháng chiến, Trung ương ra quyết định địa bàn hoạt động của Chiến khu XI được mở rộng bao gồm: Hà Nội, Hà Đông và Sơn Tây. Qua Hội thảo khoa học và thực tiễn hoạt động quân sự, quốc phòng của Chiến khu XI đã mang đầy đủ tính chất chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội ngày nay. Vì vậy, ngày 19/10/1946 là ngày truyền thống của LLVT Thủ đô Hà Nội theo Quyết định số 1850/QĐ-QP ngày 31/5/2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

2.1.4. Giới thiệu chung về các Quân đoàn

Quân đội nhân dân Việt Nam có các Quân đoàn 1, 2, 3 và 4. Mỗi quân đoàn có 3-5 sư đoàn bộ binh và các đơn vị thiết giáp, công binh, pháo binh, phòng không, thông tin, hóa học...

- *Quân đoàn 1 : “Thần tốc - Quyết thắng”*

Là quân đoàn chủ lực cơ động đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam, được thành lập ngày 24/10/1973. Tư lệnh, Chính uỷ đầu tiên của Quân đoàn 1 là các đồng chí Lê Trọng Tấn, Lê Quang Hoà. Quân đoàn 1 hiện nay có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ, Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật và các đơn vị trực thuộc khác.

Trước diễn biến trên chiến trường và trước các điều kiện khách quan và chủ quan, vấn đề xây dựng các quân đoàn, binh chủng hợp thành có sức cơ động cao, hỏa lực mạnh, sức đột kích lớn, làm lực lượng quyết định trong các chiến dịch có ý nghĩa chiến lược trở thành yêu cầu khách quan, phù hợp với quy luật phát triển của quân đội ta. Chấp hành Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường quân sự tiến tới thống nhất đất nước, tháng 10/1973 Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng đề nghị Bộ Chính trị thành lập các quân đoàn chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam. Ngày 24/10/1973, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bí thư Quân uỷ Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ký Quyết định số 124/QĐ-QP thành lập Quân đoàn 1.

Ngay sau khi thành lập, trong điều kiện vừa ổn định tổ chức biên chế, vừa huấn luyện và xây dựng, chuẩn bị cơ sở vật chất kỹ thuật, Quân đoàn 1 đã khẩn trương xây dựng Quân đoàn thành một Binh đoàn chủ lực, cơ động chiến lược của Quân đội nhân dân Việt Nam: có khả năng chiến đấu cao, cơ động lớn, đột kích mạnh, có khả năng tác chiến tập trung hiệp đồng quân binh chủng quy mô lớn.

Trong cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Quân đoàn 1 vừa thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa - hậu phương chiến lược của cả nước, vừa chủ động khắc phục những khó khăn to lớn về cơ động, về hậu cần - kỹ thuật và chuẩn bị chiến trường, đã tổ chức cuộc hành quân “thần tốc” chưa từng có trong lịch sử quân đội ta từ Bắc vào Nam chỉ trong 11 ngày đêm đã vượt chặng đường dài hơn 1.700 km, kịp thời vào trực tiếp tham gia chiến đấu trên hướng Bắc Sài Gòn trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Nhạy bén với tình hình, biết chủ động nắm và chớp thời cơ, hạ quyết tâm chính xác, vận dụng sáng tạo cách đánh, nghệ thuật tác chiến hiệp đồng binh chủng, phù hợp với thực tiễn chiến trường, với lối đánh “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, Quân đoàn đã kiên quyết tiến công, táo bạo bất ngờ đánh chiếm những mục tiêu quan trọng có tính chiến lược trong hệ thống phòng thủ của địch trên hướng Bắc Sài Gòn; tiêu diệt và bức hàng hoàn toàn Sư đoàn 5 nguy giải phóng tỉnh Bình Dương; táo bạo thọc sâu đánh chiếm Bộ Tổng Tham mưu - cơ quan đầu não của Quân nguy Sài Gòn, Quận lỵ Gò Vấp, Tiểu khu Gia Định, góp phần quan trọng giải phóng Sài Gòn - Gia Định, giải phóng hoàn toàn Miền Nam, thống nhất đất nước, xây dựng nên truyền thống vẻ vang “Thần tốc - Quyết thắng” của Quân đoàn.

Ngay sau ngày đất nước được giải phóng, trước yêu cầu khẩn trương của sự nghiệp cách mạng, Quân đoàn 1 lại một lần nữa thực hiện cuộc hành quân “Thần tốc” từ miền Nam trở về miền Bắc làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, cơ động dự bị chiến lược của Bộ. Trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trên

các vùng biên giới phía Tây Nam và phía Bắc, Quân đoàn 1 vừa hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ huấn luyện lực lượng tăng cường cho các đơn vị chiến đấu ở tuyến trước, vừa trực tiếp tham gia chiến đấu phòng ngự thay phiên, giữ vững một vùng biên cương Tổ quốc, góp phần quan trọng cùng quân và dân cả nước đánh thắng quân xâm lược, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ngày nay, trước yêu cầu nhiệm vụ mới, các đơn vị của Quân đoàn 1 được trang bị thêm nhiều vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại; tổ chức nhiều cuộc diễn tập chiến đấu hiệp đồng quân binh chủng phục vụ công tác nghiên cứu khoa học - nghệ thuật quân sự hoặc “làm mẫu” thực nghiệm cho toàn quân huấn luyện chiến đấu.

Ngày truyền thống: 24/10/1973

Với những chiến công và thành tích xuất sắc trong chiến đấu bảo vệ và xây dựng đất nước, Quân đoàn 1 đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tuyên dương Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (29/8/1985).

- Quân đoàn 2: “Thần tốc, táo bạo, quyết thắng”

Quân đoàn 2 là quân đoàn chủ lực cơ động của QĐND Việt Nam, được thành lập ngày 17/5/1974, tại Trị - Thiên. Tư lệnh, Chính uỷ đầu tiên của Quân đoàn là các đồng chí Hoàng Văn Thái, Lê Linh. Quân đoàn 2 hiện nay có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ, Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật và các đơn vị trực thuộc khác.

Chấp hành Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 21 Ban chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường quân sự tiến tới thống nhất đất nước, tháng 10/1973 Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng đề nghị Bộ Chính trị thành lập các quân đoàn chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam. Theo đó, ngày 17/5/1974, Quân đoàn 2 được thành lập tại Ba Nang - Ba Lòng - Quảng Trị.

Sự ra đời của Quân đoàn 2 thể hiện sinh động quy luật về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhiệm vụ chủ yếu của Quân đoàn là tham gia tổ chức các chiến dịch quy mô bằng sức mạnh hiệp đồng binh chủng, thực hiện những đòn tiêu diệt lớn lực lượng địch, phối hợp với các lực lượng tại chỗ và phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân giải phóng hoàn toàn miền Nam. Để thực hiện nhiệm vụ này, yêu cầu đặt ra đối với Quân đoàn là phải xây dựng sức mạnh chiến đấu tổng hợp, sức đột kích mạnh, tính cơ động cao, thành thạo tác chiến tập trung hiệp đồng quân, binh chủng.

Sau khi thành lập, quân đoàn đã mở các cuộc tiến công đầu tiên thắng lợi ở Thượng Đức, La Sơn - Mỏ Tàu, mở rộng các vùng giải phóng, đánh bại cuộc phản công của Sư đoàn Dù - con át chủ bài của lực lượng tổng dự bị chiến lược của Quân đội Sài Gòn, góp phần để Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng có thêm căn cứ thực tế khi phân tích tình hình, đánh giá so sánh lực lượng địch - ta và hạ quyết tâm chiến lược chính xác.

Đầu năm 1975, Quân đoàn 2 đã đẩy mạnh các hoạt động phối hợp chiến trường và tác chiến tạo thế ở Nam Thừa Thiên. Khi thời cơ xuất hiện, cùng với

các lực lượng của Quân khu Trị - Thiên và Quân khu 5, Quân đoàn đã tiến công liên tục tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ Quân đoàn 1, Quân khu 1 và Sư đoàn hải quân đánh bộ của Quân đội VNCH Sài Gòn, góp phần quyết định thực hiện thắng lợi Chiến dịch Trị - Thiên - Huế, giải phóng hoàn toàn Trị - Thiên - Huế và Quảng Nam - Đà Nẵng.

Để phát triển ưu thế chiến lược có lợi cho ta trên toàn bộ chiến trường miền Nam, theo Mệnh lệnh của Bộ, Quân đoàn 2 đã tổ chức và thực hiện xuất sắc cuộc hành quân thần tốc trong 18 ngày đêm, tiến công địch trong hành tiến dọc duyên hải miền Trung, góp phần quyết định tiến công đập tan lực lượng, và các tuyến phòng ngự của Địch ở Phan Rang, Phan Thiết, Hàm Tân, giải phóng các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Tuy, khu vực phòng thủ từ xa của Quân VNCH trên hướng Đông, góp phần làm thay đổi cán cân lực lượng giữa ta và địch ở Nam Bộ, mở thông tuyến đường số 1 kéo dài từ miền Bắc tới tận cửa ngõ phía Đông và Đông Bắc Sài Gòn, mở thêm một tuyến đường tiếp tế hậu cần chiến lược, tạo một thế trận chung thuận lợi cả về chiến lược và chiến dịch.

Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Quân đoàn 2 đã tổ chức đội hình chiến đấu có lực lượng đột kích mạnh gồm xe tăng, pháo binh, pháo phòng không và bộ binh, cùng với quân và dân vùng Đông và Đông Nam Sài Gòn tiến công dũng mãnh, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng địch phòng ngự trên hướng này, nhanh chóng đưa lực lượng thọc sâu đánh chiếm nhiều mục tiêu quan trọng, Dinh Độc lập, Phủ Tổng thống chính quyền Sài Gòn bắt Tổng thống và toàn bộ nội các chính quyền Sài Gòn; góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, Quân đoàn 2 tiếp tục nhận và hoàn thành thắng lợi nhiều nhiệm vụ khác nhau. Đặc biệt trước yêu cầu của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, Quân đoàn đã thực hiện xuất sắc cuộc hành quân thần tốc từ miền Trung vào mặt trận, phối hợp cùng với các đơn vị bạn, Quân đoàn 2 đã liên tục phản công, tiến công địch, góp phần xứng đáng vào chiến công oanh liệt, đánh bại cuộc tiến công xâm lược của địch ở biên giới Tây Nam và làm tròn nhiệm vụ quốc tế cao cả; giải phóng đất nước Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng, giúp Đảng nhân dân cách mạng Campuchia củng cố chính quyền cách mạng cơ sở.

Ngày nay, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Quân đoàn thường xuyên huấn luyện, tổ chức các cuộc diễn tập nghiên cứu, thực nghiệm, kiểm tra với quy mô lớn để từng bước hoàn chỉnh các phương án, hình thức tác chiến mới phù hợp với chiến lược quốc phòng - an ninh của Đảng trong thời kỳ mới; đồng thời nỗ lực xây dựng đơn vị vững mạnh về mọi mặt, xứng đáng với truyền thống “Thần tốc, táo bạo, quyết thắng” trong chiến đấu; “chủ động, tích cực, sáng tạo” trong xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, ngày càng hiện đại, thực sự là “quả đảm thép” chủ lực của Bộ Quốc phòng.

Ngày truyền thống: 17/5/1974

Với những thành tích vẻ vang trong chiến đấu, Quân đoàn 2 vinh dự được Đảng và Nhà nước tuyên dương Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (ngày 28/9/1985).

- Quân đoàn 3

Là quân đoàn chủ lực cơ động của Quân đội nhân dân Việt Nam, được thành lập ngày 26/3/1975. Tư lệnh, Chính uỷ đầu tiên của Quân đoàn 3 là các đồng chí Vũ Lăng, Đặng Vũ Hiệp. Quân đoàn 3 hiện nay có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ, Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật và các đơn vị trực thuộc khác.

+ Quá trình hình thành và phát triển

Ngay sau khi Tây Nguyên được giải phóng, ngày 26/3/1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Quân uỷ Trung ương, Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ký quyết định số 54/QĐ-QĐ thành lập Quân đoàn 3 trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Quân đoàn 3 được thành lập có ý nghĩa rất quan trọng, đánh dấu sự ra đời của quân đoàn chủ lực cơ động thứ 4 của Quân đội nhân dân Việt Nam. Theo quyết định của Bộ Quốc phòng, cơ cấu tổ chức của Quân đoàn 3 bao gồm: Bộ Tư lệnh, các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần và các đơn vị trực thuộc. Với thành phần là các đơn vị thuộc khối chủ lực B3 đang trong quá trình phát triển chiến dịch Tây Nguyên, Quân đoàn 3 là một binh đoàn chủ lực binh chủng hợp thành hoàn chỉnh, có cơ cấu tổ chức chặt chẽ, ổn định, sức cơ động cao, hỏa lực mạnh, có trình độ và kinh nghiệm tác chiến hiệp đồng binh chủng; có thể độc lập tiến hành một chiến dịch hoặc đảm nhiệm hướng chủ yếu trong đội hình chiến dịch lớn của cấp trên, làm lực lượng quyết định trong các chiến dịch có ý nghĩa chiến lược.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Quân đoàn 3 được giao nhiệm vụ đảm nhiệm hướng tiến công chủ yếu nhất của chiến dịch từ Tây Bắc vào Sài Gòn, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 đã nhanh chóng tổ chức quán triệt nhiệm vụ, xây dựng quyết tâm chiến đấu, phương án tác chiến, gấp rút điều động lực lượng từ các hướng cơ động về Tây Bắc Sài Gòn tham gia chiến dịch. Phát huy truyền thống “Quyết thắng, sáng tạo, đoàn kết, thống nhất, nghiêm túc, tự lực”, với phương châm, tư tưởng chỉ đạo tác chiến: “Mạnh bạo, chắc thắng, đánh mạnh, đánh liên tục nắm chắc thời cơ thọc sâu phát triển nhanh”, Quân đoàn 3 đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang địa phương, các cánh quân tiến công Sài Gòn từ các hướng, lần lượt đánh chiếm và làm chủ Gò Dầu Hạ, Trảng Bàng, Đồng Dù, Hóc Môn, Trung tâm huấn luyện Quang Trung, sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ Tổng Tham mưu quân đội chế độ cũ... hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong chiến tranh biên giới Tây Nam, Quân đoàn 3 được lệnh nhanh chóng cơ động lực lượng lên Tây Ninh đánh địch. Với phương châm vừa chiến đấu, vừa xây dựng củng cố, quân đoàn đã mở nhiều chiến dịch và các đợt hoạt động, đánh

bại quân địch; đồng thời với tinh thần quốc tế cao cả, Quân đoàn 3 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giúp đỡ lực lượng cách mạng Campuchia phát triển, giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi thảm họa diệt chủng. Tháng 7/1979, Quân đoàn 3 cơ động toàn bộ lực lượng từ Campuchia về nước làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, xây dựng chính quy, củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn chiến lược xung yếu.

+ *Ngày truyền thống: 26/3/1975*

Với những chiến công hiển hách trong chiến đấu và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN và làm nghĩa vụ quốc tế, Quân đoàn 3 đã vinh dự được Đảng, Nhà nước tuyên dương Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (ngày 20/12/1979) và được nhà nước Campuchia tặng thưởng Huân chương Ăngco (năm 1979).

- *Quân đoàn 4*

Là quân đoàn chủ lực cơ động của Quân đội nhân dân Việt Nam, được thành lập ngày 20/7/1974. Tư lệnh và Chính ủy đầu tiên của Quân đoàn 4 là các đồng chí Hoàng Cầm, Hoàng Thế Thiện. Quân đoàn 4 hiện nay có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính ủy, Phó Chính ủy; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật và các đơn vị trực thuộc khác.

Tư lệnh Quân đoàn 4 hiện nay: Thiếu tướng Võ Trọng Hệ
Chính ủy: Thiếu tướng Hoàng Văn Nghĩa

+ Quá trình hình thành và phát triển

Chấp hành Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 21 Ban chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường quân sự tiến tới thống nhất đất nước, tháng 10/1973 Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng đề nghị Bộ Chính trị thành lập các quân đoàn chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam, ở Nam bộ và Cục Nam Trung Bộ, từ đầu năm 1974 Trung ương Cục, Quân uỷ và Bộ tư lệnh Miền đã chỉ đạo lập phương án tổ chức biên chế, dự thảo chức năng nhiệm vụ của một quân đoàn chủ lực trên chiến trường.

Sau khi thông qua kế hoạch tổ chức biên chế, ngày 20/7/1974, đồng chí Phạm Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Cục chính thức công bố quyết định thành lập Quân đoàn 4 tại chiến khu Dương Minh Châu, miền Đông Nam Bộ. Với chức năng là quả đấm chủ lực mạnh, lực lượng cơ động của Bộ ở chiến trường B2, nhiệm vụ của Quân đoàn 4 là tiêu diệt quân địch, giải phóng nhân dân, làm nòng cốt cho lực lượng vũ trang 3 thứ quân, làm chỗ dựa vững chắc cho lực lượng đấu tranh chính trị của quần chúng, đảm nhận một hướng chiến lược, một khu vực chiến trường, mục tiêu cuối cùng là giải phóng Sài Gòn.

Sau khi thành lập, căn cứ vào kế hoạch chiến lược hai năm 1975 - 1976 và nhiệm vụ chiến đấu trước mắt trong mùa khô 1974 - 1975, Quân uỷ, Bộ Tư lệnh Miền giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 4 mở chiến dịch ở Đường số 14 - Phước Long, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng một đoạn đường số 14; tiếp đó đánh bại quân địch nếu chúng phản kích, giữ vững vùng giải phóng.

Bằng cách đánh linh hoạt, mưu trí sáng tạo và dũng cảm Quân đoàn đã giành thắng lợi trong chiến dịch Đường số 14 - Phước Long, phối hợp với Chiến dịch Tây Nguyên và Chiến dịch Huế - Đà Nẵng theo kế hoạch tác chiến chiến lược, vừa tạo địa bàn đứng chân, tập kết lực lượng và mở các hướng tiến công quan trọng cho các lực lượng bạn đánh vào Sài Gòn. Đây là thắng lợi có ý nghĩa như một đoàn trình sát chiến lược giúp Bộ Chính trị đưa ra quyết định chính xác quyết tâm giải phóng hoàn toàn Miền Nam thống nhất đất nước trong năm 1975.

Ngày 02/4/1975, tại căn cứ Vĩnh An, Thượng tướng Trần Văn Trà, Phó Tư lệnh Bộ Chỉ huy Chiến dịch Giải phóng Sài Gòn giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 4 triển khai lực lượng trên hai hướng tiến công chiến lược là Đông và Tây Nam Sài Gòn. Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Chỉ huy Chiến dịch và để tạo điều kiện chiến lược cho Chiến dịch Giải phóng Sài Gòn với phương châm tác chiến “Đánh thắng, tiến chắc”, ngày 09/4/1975 các lực lượng của Quân đoàn bắt đầu nổ súng tiến công phòng tuyến Xuân Lộc của quân địch.

Sau nhiều lần tiến công quyết liệt, ngày 21/4/1975, Quân đoàn đã đập tan phòng tuyến Xuân Lộc, giải phóng thị xã Xuân Lộc và toàn bộ tỉnh Long Khánh. Với đội hình chiến đấu mạnh, cách đánh linh hoạt, các mũi tiến công của Quân đoàn lần lượt đánh chiếm Trảng Bom, tuyến phòng thủ Hồ Nai, khu vực phòng thủ Biên Hoà của địch, phát triển tiến công vào nội thành Sài Gòn, cùng với các cánh quân khác kết thúc thắng lợi chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Sau năm 1975 Quân đoàn ngoài làm nhiệm vụ quân quản ở thành phố Sài Gòn - Gia Định, tham gia vào bảo vệ biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc, làm tốt nhiệm vụ quốc tế giúp đỡ nhân dân Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng của chế độ Pôn Pôt - Yêngxari; đồng thời, quân đoàn còn giúp xây dựng, huấn luyện lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia, xây dựng và củng cố chính quyền mới, góp phần củng cố và thắt chặt hơn nữa tình đoàn kết hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Campuchia anh em.

Ngày nay, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, Quân đoàn 4 đang tập trung huấn luyện, nâng cao chất lượng tổng hợp và trình độ sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo cho Quân đoàn có đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Xây dựng quân đoàn chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, xây dựng đảng bộ trong sạch vững mạnh toàn diện, đảm bảo tốt công tác hậu cần, kỹ thuật, chăm lo cho đời sống bộ đội và tích cực xây dựng cơ sở chính trị ở địa phương vững mạnh, xứng đáng là quân đoàn cơ động, chủ lực của Bộ đóng ở phía Nam của Tổ quốc, phát huy truyền thống “Trung thành, đoàn kết, anh dũng, sáng tạo, tự lực, quyết thắng”.

+ *Ngày truyền thống: 20/7/1974*

Với những thành tích xuất sắc trong chiến đấu bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, Quân đoàn 4 vinh dự được Đảng và Nhà nước tuyên dương Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (1980).

2.2. Quân chủng Hải quân

2.2.1. Chức năng, nhiệm vụ các binh chủng của quân chủng Hải quân

- Quân chủng Hải quân là lực lượng nòng cốt bảo vệ chủ quyền quốc gia của Việt Nam trên biển. Hải quân nhân dân Việt Nam có nhiệm vụ quản lý và kiểm soát chặt chẽ các vùng biển, hải đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông; giữ gìn an ninh, chống lại mọi hành vi vi phạm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia của Việt Nam trên biển; bảo vệ các hoạt động bình thường của Việt Nam trên các vùng biển đảo, theo quy định của luật pháp quốc tế và pháp luật Việt Nam; bảo đảm an toàn hàng hải và tham gia tìm kiếm cứu nạn theo pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, sẵn sàng hiệp đồng chiến đấu với các lực lượng khác nhằm đánh bại mọi cuộc tiến công xâm lược trên hướng biển.

Bộ tư lệnh Hải quân chỉ huy toàn bộ lực lượng Hải quân nhân dân Việt Nam. Bộ Tư lệnh có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ, các cơ quan đảm nhiệm các mặt công tác quân sự; công tác đảng, công tác chính trị; kỹ thuật; hậu cần.

Hải quân nhân dân Việt Nam có 5 vùng Hải quân (1, 2, 3, 4, 5) và các đơn vị trực thuộc. Lực lượng chủ yếu của Hải quân nhân dân Việt Nam là các đơn vị tàu mặt nước, pháo - tên lửa bờ biển; hải quân đánh bộ; đặc công hải quân và các đơn vị phòng thủ đảo. Hải quân nhân dân Việt Nam đã được tăng cường lực lượng và phương tiện để làm tốt nhiệm vụ tìm kiếm và cứu nạn.

Trong tương lai, Hải quân nhân dân Việt Nam được tăng cường trang bị vũ khí hiện đại, nâng cao sức mạnh chiến đấu để có đủ khả năng hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và các lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam.

Hải quân nhân dân Việt Nam có truyền thống rất vẻ vang, lập công lớn trong chống chiến tranh phá hoại miền Bắc của không quân và hải quân Mỹ nhất là thành tích chống phong toả đường biển và các nhiệm vụ được giao trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Tư lệnh kiêm Chính uỷ đầu tiên của Quân chủng Hải quân là đồng chí Tạ Xuân Thu.

Ngày truyền thống: 07/5/1955

- *Chức năng nhiệm vụ*

Quân chủng Hải quân của Quân đội nhân dân Việt Nam còn gọi là Hải quân Nhân dân Việt Nam, là một quân chủng thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam. Quân chủng Hải quân là lực lượng nòng cốt bảo vệ chủ quyền quốc gia của Việt Nam trên biển. Hải quân Nhân dân Việt Nam có nhiệm vụ quản lý và kiểm soát chặt chẽ các vùng biển, hải đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông; giữ gìn an ninh, chống lại mọi hành vi vi phạm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia của Việt Nam trên biển; bảo vệ các hoạt động bình

thường của Việt Nam trên các vùng biển đảo, theo quy định của luật pháp quốc tế và pháp luật Việt Nam; bảo đảm an toàn hàng hải và tham gia tìm kiếm cứu nạn theo pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, sẵn sàng hiệp đồng chiến đấu với các lực lượng khác nhằm đánh bại mọi cuộc tiến công xâm lược trên hướng biển.^[2]

Hải quân Nhân dân Việt Nam có các binh chủng tàu mặt nước, Hải quân đánh bộ, Tên lửa-Pháo bờ biển, Không quân Hải quân, tàu ngầm... nhưng không tổ chức bộ tư lệnh riêng. Bao gồm các cấp đơn vị: hải đoàn, hải đội, binh đoàn Hải quân đánh bộ, các binh đoàn bộ đội chuyên môn, các đơn vị bảo đảm phục vụ ra đa, thông tin, kỹ thuật, hậu cần....

- *Các binh chủng của quân chủng Hải Quân*

+ *Hải quân đánh bộ - quả đấm thép*

Lính Hải quân đánh bộ còn được gọi là đặc công Hải quân – lực lượng tác chiến đặc biệt tinh nhuệ. Họ đều bơi rất giỏi, trang bị trên người có thể lên đến 40kg hoặc ít hơn tùy nhiệm vụ, chiến đấu như bộ binh nhưng lại phải thành thạo kỹ thuật đánh gần cũng như cách đánh các loại mục tiêu kiên cố, độc lập tác chiến trong điều kiện chỉ huy thông tin hạn chế. Khi có chiến tranh xảy ra mà chiến trường là đảo do ta quản lý bị nước ngoài đánh chiếm thì hải quân đánh bộ phải lấy lại được đảo, không lực lượng nào có thể thay thế.

Các lữ đoàn Hải quân đánh bộ của Việt Nam được trang bị nhiều vũ khí, khí tài tân tiến.

Do đặc thù nhiệm vụ, trang bị vũ khí của Hải quân đánh bộ chủ yếu là các loại súng cá nhân. Một trong những vũ khí đó là súng trường tiến công Tavor TAR-21, có khả năng khai hỏa sau quá trình dài ngâm trong nước khi hành quân.

Hải quân đánh bộ Việt Nam cũng được trang bị "sát thủ diệt tăng" Matador, có khả năng xuyên giáp xe tăng và phá các bức tường gạch hoặc bê tông cốt thép.

+ *Tàu ngầm Kilo 636 “hổ đen đại dương”*

Các tàu ngầm Kilo mà Nga đóng cho Việt Nam là loại tiên tiến, được gọi là "hổ đen đại dương" bởi khả năng ẩn mình gần như hoàn hảo của nó.

Đội hình 6 tàu ngầm Kilo có số hiệu từ 182 đến 187 lần lượt mang tên Hà Nội, TPHCM, Hải Phòng, Khánh Hòa, Đà Nẵng, Bà Rịa – Vũng Tàu đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình hiện đại hoá vũ khí, khí tài quân sự, nâng cao sức chiến đấu của Hải quân nhân dân Việt Nam.

+ *Không quân Hải quân*

Ngày 3/7/2013, Bộ Quốc phòng bàn giao Lữ đoàn Không quân 954 từ Quân chủng Phòng không Không quân về Quân chủng Hải quân. Lữ đoàn được giao nhiệm vụ tác chiến sẵn sàng, vận tải quân sự, trinh sát, quan sát trên không, trên mặt đất, mặt nước, tìm kiếm cứu nạn trên biển, trên đất liền và cứu hộ, cứu nạn, phòng chống bão lụt.

Hiện nay, Lữ đoàn Không quân 954 đang thực thi nhiệm vụ với các loại máy bay hiện đại hàng đầu khu vực Đông Nam Á gồm trực thăng săn ngầm Ka-28, trực thăng đa năng EC-225, thủy phi cơ DHC-6 và Su30MK2.

Ka-28 được xem là một trong những loại trực thăng săn ngầm hiện đại nhất ở khu vực Đông Nam Á. Trên máy bay được trang bị radar, sonar, phao âm để trinh sát phát hiện tàu ngầm cùng nhiều loại vũ khí như ngư lôi 400mm, bom chìm chống ngầm.

Việt Nam đã mua chiếc 6 chiếc thủy phi cơ DHC-6 để trang bị cho hải quân, trong đó 3 chiếc được cấu hình vận chuyển khách, hàng hóa còn ba chiếc trang bị hệ thống radar hiện đại để giám sát biển.

DHC-6 ngoài khả năng cất hạ cánh trên mặt nước còn có thể cất hạ cánh đường băng ngắn chỉ vài trăm mét. Vì vậy, DHC-6 được sử dụng nhiều cho các chuyến bay ra đảo Trường Sa Lớn.

Không quân Hải quân Việt Nam còn được trang bị các trực thăng vận tải đa năng EC-225 Super Puma MkII hiện đại hàng đầu thế giới hiện nay. EC-225 đáp ứng tốt nhiệm vụ vận tải hàng hóa, binh sĩ, tìm kiếm cứu hộ cứu nạn. Đặc biệt, nó được tối ưu để chuyên bay biển – nhiệm vụ số một của Không quân Hải quân Việt Nam.

+ Tên lửa chống hạm - lá chắn thép không thể xuyên thủng

Hiện nay, Hải quân được trang bị Tổ hợp tên lửa bờ Bastion-P và Tổ hợp rada bờ Monolit-B, trong đó Bastion-P là một trong những hệ thống tên lửa phòng thủ bờ biển cơ động hiện đại nhất trên thế giới hiện nay.

Đây là tổ hợp vũ khí rất mạnh, một trong những tổ hợp tên lửa bảo vệ bờ biển tốt nhất, có khả năng cơ động cao, sử dụng tên lửa chống tàu có tốc độ siêu âm 3M55 "Yakhont" ("Onyx").

Tổ hợp tên lửa Bastion có khả năng tấn công mục tiêu xa đến 300 km và bảo vệ một tuyến bờ biển chống tác chiến đổ bộ của đối phương lên đến 600 km.

Một trong những đặc trưng của tên lửa chống tàu Yakhont là chương trình phần mềm nhân tạo chạy trên máy tính đầu đạn. Nó cho hiệu quả chiến đấu rất cao khi bắn loạt tên lửa. Trong trường hợp bị tấn công ồ ạt với số lượng lớn các tàu, chương trình trên đầu đạn tự chọn và đánh giá độ quan trọng của mục tiêu, lựa chọn tọa độ và phương thức tấn công. Đồng thời, chương trình cũng lựa chọn khả năng chống lại tác chiến điện tử và lựa chọn phương án tránh góc bắn của hỏa lực phòng không đối phương để tấn công tàu.

Khi tiêu diệt mục tiêu trong đội hình, các tên lửa còn lại chuyển hướng sang các mục tiêu khác, loại trừ khả năng 2 tên lửa cùng tiêu diệt một mục tiêu.

Trong điều kiện phát triển sức mạnh và khả năng sẵn sàng chiến đấu của Hải quân, các tổ hợp tên lửa này cho phép bảo vệ vững chắc vùng biển, bờ biển của quốc gia.

+ Tàu mặt nước - hộ vệ tên lửa tàng hình đa nhiệm

Hiện nay Hải quân Việt Nam đang sở hữu nhiều loại tàu mặt nước gồm tàu hộ vệ tên lửa, tàu pháo, tàu săn ngầm... trong đó hai tàu hộ vệ tên lửa Gepard 3.9 mang tên HQ011 – Đinh Tiên Hoàng và HQ012 – Lý Thái Tổ là những tàu chiến mặt nước do Nga sản xuất đã được đưa vào trực chiến. Chiếc thứ 3 đã về nước, chiếc thứ 4 đang trên đường về.

Tàu Gepard 3.9 của Việt Nam được thiết kế thực hiện các nhiệm vụ chống tàu ngầm, tàu nổi và các mục tiêu trên không của địch khi thực hiện các nhiệm vụ hộ tống tàu chiến, tàu vận tải, các đoàn tàu cơ động, tiến hành các nhiệm vụ cảnh giới biên, bảo vệ hải giới và thềm lục địa, bảo vệ các khu vực kinh tế biển và bảo vệ các khu vực biển gần.

Để tăng cường khả năng cơ động và tác chiến độc lập của tàu trên biển, các nhà thiết kế đã tăng cường khả năng hải trình của tàu từ 9 ngày không phải bổ sung nhiên liệu và cơ sở vật chất lên đến 20 ngày và tầm hoạt động (với tốc độ hải trình 18 hải lý/giờ) từ 2.500 hải lý lên 3.500 hải lý.

Tàu được trang bị hệ thống tên lửa chống tàu thế hệ mới nhất X35 3M24 Uran, tăng cường khả năng tác chiến so với các loại tàu tuần biển khác. Hệ thống sonar MGK-335EM-03 có góc quét 260 độ, phát hiện được tàu ngầm ở bán kính 10 - 12 km, thủy lôi ở cự ly 2 km và 2 thiết bị phóng ngư lôi cỡ nòng 533 mm.

Cùng với tàu ngầm Kilo 636, máy bay chiến đấu đa năng Su30MK2 và tên lửa chống hạm siêu âm Yakhont của hệ thống Bastion-P (có tầm bắn 300 km, đặt trên bờ), Gepard 3.9 sẽ giúp quân đội Việt Nam chính thức có được năng lực tiến công đa năng 3 trong 1 (trên không, dưới nước và trên mặt nước) ở khu vực biển gần, đặc biệt là việc nâng cao đáng kể khả năng chống ngầm.

+ Tàu tên lửa tấn công nhanh

Từ năm 2014 đến 2016, sáu chiếc tàu tên lửa Molnya do Tổng công ty Ba Son (Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng) đóng mới đã được bàn giao cho Hải quân, biên chế cho Lữ đoàn tàu pháo, tên lửa 167 (Vùng 2 Hải Quân, đóng tại Nhơn Trạch, Đồng Nai). Đây là tàu tên lửa tấn công nhanh lớp Molniya (lớp Tia chớp) - một trong những tàu chiến uy lực hoàn thiện về công nghệ và có tính ổn định cao nhất thế giới.

Tàu tên lửa Molnya được trang bị bốn dàn phóng tên lửa Uran - E với tổng số 16 tên lửa, cự ly bắn 130 km, một pháo hạm tự động AK - 176M, cự ly bắn khoảng 15 km, cao 11 km và tốc độ khoảng 120-130 viên/phút. Tàu cũng trang bị hai pháo 6 nòng tự động AK630, có tầm bắn 4-5 km, tốc độ bắn 4.000 - 5.000 viên/phút. Hệ thống pháo nhiều phục vụ bắn tên lửa khi có mục tiêu.

Với sức chiến đấu cao, trang bị vũ khí hiện đại, đồng bộ, sức cơ động nhanh, tàu Molnya có thể độc lập hoặc hiệp đồng tác chiến với các lực lượng khác trong các chiến dịch của Quân chủng để bảo vệ chủ quyền biển đảo, thềm lục địa của Tổ quốc.

Trong 6 chiếc tàu tên lửa do Tổng công ty Ba Son đóng thì cặp tàu M5 và M6 là hiện đại nhất. Với lượng choán nước toàn tải 490 tấn và độ sâu mớn nước 2,56 m, tàu có tính năng đi biển rất cao, đảm bảo hiệu quả sử dụng vũ khí trên tàu khi sóng biển ở cấp 5-8. Để tự bảo vệ trước các đòn tấn công trên không và ngư lôi, tàu được trang bị hai ống phóng mỗi bầy kiểu PK-10, một giá phóng tên lửa đối không tầm thấp Igla (12 quả). Thời gian hoạt động trên biển là 10 ngày, cự ly hoạt động khi chạy ở tốc độ tuần tiễu là từ 3.000 đến 4.400 km.

2.2.2. Các Bộ Tư Lệnh thuộc quân chủng Hải Quân

- Bộ Tư lệnh Vùng 1 Hải quân

Bộ Tư lệnh Vùng 1 Hải quân trực thuộc Quân chủng Hải quân là Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ vùng biển từ Quảng Ninh đến Hà Tĩnh và các đảo trong Vịnh Bắc Bộ, bao gồm các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

- Bộ Tư lệnh Vùng 2 Hải quân

Bộ Tư lệnh Vùng 2 Hải quân trực thuộc Quân chủng Hải quân là Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ vùng biển từ Nam Bình Thuận đến Bạc Liêu và thêm lục địa phía Nam, trong đó có khu vực trọng điểm là vùng biển có các cụm kinh tế - khoa học - dịch vụ (gọi tắt là DK1) thuộc thêm lục địa phía Nam, gồm có các tỉnh: phía Nam của Bình Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, và vùng biển phía Đông Nam của tỉnh Cà Mau (bao gồm cả nhà giàn DK1/10 ở bãi ngầm Cà Mau).

- Bộ Tư lệnh Vùng 3 Hải quân

Bộ Tư lệnh Vùng 3 Hải quân trực thuộc Quân chủng Hải quân là Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ vùng biển giữa miền Trung, từ Quảng Bình đến Bình Định gồm các tỉnh là Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định gồm các đảo Côn Cỏ, Lý Sơn, Quần đảo Hoàng Sa, v.v.

- Bộ Tư lệnh Vùng 4 Hải quân

Bộ Tư lệnh Vùng 4 Hải quân trực thuộc Quân chủng Hải quân là Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ Quần đảo Trường Sa, đảo Phú Quý, biển Đông và vùng biển phía nam miền Trung, từ Phú Yên đến Bắc Bình Thuận gồm các tỉnh: Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và phía Bắc của Bình Thuận.

- Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân

Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân trực thuộc Quân chủng Hải quân là Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ vùng biển Nam biển Đông và vịnh Thái Lan thuộc vùng biển hai tỉnh Cà Mau (biển phía Tây Nam của Cà Mau) và Kiên Giang

2.3. Quân chủng Phòng không - Không quân

2.3.1. Tổ chức chung

Quân chủng Phòng không - Không quân được tổ chức thành Bộ tư lệnh Quân chủng, các đơn vị chiến đấu; khối bảo đảm; khối nhà trường và các đơn vị kinh tế. Bộ Tư lệnh quân chủng có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh; Chính uỷ và Phó Chính uỷ, các cơ quan đảm nhiệm các mặt công tác quân sự; công tác đảng, công tác chính trị; kỹ thuật; hậu cần và các đơn vị trực thuộc. Quân chủng có các sư đoàn không quân, sư đoàn phòng không và một số đơn vị không quân trực thuộc là các đơn vị chiến đấu chủ yếu.

2.3.2. Chức năng nhiệm vụ

Quân chủng Phòng không-Không quân Nhân dân Việt Nam là một trong ba quân chủng của Quân đội Nhân dân Việt Nam trực thuộc Bộ Quốc phòng, có nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ không phận, mặt đất và biển đảo Việt Nam; cứu trợ, tìm kiếm cứu nạn và các nhiệm vụ khác. Quân chủng Phòng không - Không quân đảm nhiệm cả nhiệm vụ của bộ đội phòng không quốc gia và của không quân. Quân chủng Phòng không - Không quân là lực lượng nòng cốt quản lý, bảo vệ vùng trời, bảo vệ các mục tiêu trọng điểm quốc gia, bảo vệ nhân dân đồng thời tham gia bảo vệ các vùng biển đảo của Tổ quốc. Lực lượng Phòng không - Không quân có thể độc lập thực hiện nhiệm vụ hoặc tham gia tác chiến trong đội hình quân binh chủng hợp thành. Quân chủng làm tham mưu cho Bộ Quốc phòng chỉ đạo xây dựng lực lượng phòng không lục quân và không quân thuộc các quân chủng, binh chủng, ngành khác. Lực lượng không quân vận tải ngoài nhiệm vụ vận chuyển phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu còn tham gia các hoạt động cứu trợ thiên tai và phát triển kinh tế.^[1]

- Sự ra đời của đơn vị pháo phòng không đầu tiên

Cho đến tận năm 1950, dù phần nào có những lực lượng mạnh để thực hiện tiến công chiến lược, các đơn vị của Quân đội Nhân dân Việt Nam vẫn gần như bất lực trước các hoạt động trinh sát hoặc tấn công từ trên không của người Pháp. Ngày 9 tháng 3 năm 1949, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ra quyết định thành lập Ban Nghiên cứu Không quân thuộc Bộ Tổng Tham mưu để nghiên cứu các phương pháp chống trả.

Chỉ đến khi sau Chiến dịch Biên giới thu đông 1950, Quân đội Nhân dân Việt Nam bắt đầu có được những viện trợ quý giá từ chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, trong đó có những khẩu đội súng phòng không 12,7mm. Lực lượng Không quân Pháp sau những bất ngờ đầu tiên, vẫn duy

trì được ưu thế. Tuy nhiên, không lâu sau, tháng 5 năm 1951, người Việt đã cho thành lập Đại đội 612, đơn vị phòng không đầu tiên sử dụng 4 khẩu 37mm. Ban Nghiên cứu Không quân được giải thể và hầu hết cán bộ của Ban được chuyển thuộc vào đơn vị phòng không đang được thành lập. Đến đầu năm 1953, họ đã có 8 tiểu đoàn phòng không, với 500 súng máy phòng không 12,7mm và 4 pháo cao xạ 37mm.

Ngày 1 tháng 4 năm 1953, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nhân danh Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đã ký quyết định số 06/QĐ thành lập Trung đoàn Pháo cao xạ 367^[2]. Đây là Trung đoàn pháo Cao xạ chủ lực đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Ban chỉ huy Trung đoàn đầu tiên gồm Lê Văn Tri – Trung đoàn trưởng, Nguyễn Quang Bích - Trung đoàn phó, Đoàn Phụng - Chính ủy, Ngô Từ Vân - Phó chính ủy. Ngày 1 tháng 4 cũng trở thành ngày truyền thống của lực lượng phòng không Việt Nam.

Sau 8 tháng huấn luyện tại Trung Quốc, ngày 1 tháng 12 năm 1953, toàn bộ đội hình Trung đoàn cùng khí tài đã về nước và tập kết ở tây bắc thị xã Tuyên Quang. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, Trung đoàn 367 trong đội hình Đại đoàn Công Pháo 351 đã góp phần không nhỏ vào việc hạn chế sự tấn công từ trên không cũng như việc tiếp tế - chuyển quân của người Pháp.

- Hình thành Bộ Tư lệnh phòng không và Cục Không quân

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Đại đoàn Công pháo 351 được giải thể. Bộ Tổng tư lệnh ra Nghị định số 34/NĐA nâng cấp Trung đoàn Phòng không 367 lên thành Đại đoàn pháo cao xạ hỗn hợp 367 trực thuộc Bộ chỉ huy Pháo binh vào ngày 21 tháng 9 năm 1954. Hoàng Kiện làm Đại đoàn trưởng, Đoàn Phụng làm Chính ủy, Lê Văn Tri làm Phó tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng. Đại đoàn được biên chế các cơ quan tham mưu, chính trị, cung cấp và ba trung đoàn 681, 685, 689, trang bị pháo 88mm và 40mm. Theo quyết định của Bộ Tổng tham mưu, để giữ bí mật lực lượng, các trung đoàn 681, 685, 689 được gọi là các tiểu đoàn 12, 13, 14^[3]. Sau khi được tổ chức và huấn luyện ở Vai Cày, Thái Nguyên, đêm ngày 16 tháng 12 năm 1955, Đại đoàn 367 hành quân về tiếp quản Hà Nội.

Bên cạnh đó, ngày 3 tháng 3 năm 1955, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 15/QĐA thành lập Ban nghiên cứu Sân bay trực thuộc Tổng Tham mưu trưởng. Ngày này về sau được lấy làm ngày thành lập Không quân Nhân dân Việt Nam. Một năm sau đó, liên tục các đoàn cán bộ, chiến sĩ thuộc Ban nghiên cứu sân bay được cử đi nước ngoài học tập. Ngày 26 tháng 1 năm 1956, Việt Nam tiếp nhận 5 máy bay đầu tiên do Trung Quốc viện trợ gồm 2 Li-2 và 3 Aero 45. Ngày 24 tháng 2 năm 1956, 2 đoàn học viên lái máy bay gồm Đoàn học máy bay tiêm kích MiG-17, gồm 50 học viên, do Phạm Dung làm Đoàn trưởng và Đoàn học máy bay ném bom Tu-2, gồm 30 học viên, do Đào Đình Luyện làm Đoàn trưởng, học tại Trường Không quân số 2 ở Trường Xuân, Trung Quốc^[4]. Trong Đoàn học Tu-2 có sáu học viên dẫn đường trên không (chuyên dẫn đường trên các loại máy bay và trực thăng) đầu tiên là: Đinh Huy Cận, Lê Thế Hưng, Nguyễn Văn Kính, Lê Liên, Lương Nhật Nguyễn và Nguyễn Cảnh Phiên.

Ngày 21 tháng 3 năm 1958, Trung đoàn ra đa cảnh giới đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam được thành lập với tên gọi Trung đoàn đối không cần vụ 260^[5]. Cùng ngày hôm đó, Bộ Quốc phòng cũng ra Nghị định 047/NĐ thành lập Bộ Tư lệnh Phòng không trên cơ sở của Sư đoàn Phòng không 367 và Trung đoàn đối không cần vụ. Trong những năm sau đó, các trung đoàn pháo phòng không được thành lập, trang bị các loại pháo 57 mm và 100 mm. Bên cạnh đó,

hàng trăm cán bộ, chiến sĩ được đi học sử dụng vũ khí tên lửa phòng không tại các trung tâm huấn luyện quân sự của Liên Xô ở Leningrad, Kiev, Odessa, Minsk... để chuẩn bị cho việc hình thành các đơn vị tên lửa phòng không sau này.

Ngày 24 tháng 1 năm 1959, Bộ Quốc phòng ra nghị định thành lập Cục Không quân trực thuộc Bộ Tổng Tham mưu trên cơ sở hợp nhất các tổ chức và lực lượng của Ban Nghiên cứu sân bay và Cục Hàng không dân dụng Việt Nam. Đại tá Đặng Tính được bổ nhiệm làm Cục trưởng, Thượng tá Hoàng Thế Thiện làm Chính ủy, Trung tá Hoàng Ngọc Diêu làm Tham mưu trưởng.

Sau một năm huấn luyện, ngày 1 tháng 3 năm 1959, Trung đoàn đối không căn vụ 260 bắt đầu phát sóng. Ngày này về sau được lấy làm ngày truyền thống của Bộ đội Ra-da.

Ngày 22 tháng 4 năm 1959, Cục Không quân ra quyết định thành lập Đại đội bay gồm: Ban chỉ huy đại đội, 3 Chủ nhiệm Dẫn đường, Thông tin và Máy (kỹ thuật hàng không); 1 trung đội bay Il-14, 1 trung đội bay Li-2, 1 trung đội bay An-2 và 1 trung đội máy gồm tất cả nhân viên kỹ thuật trên không (cơ giới) và mặt đất của các loại máy bay.

Ngày 1 tháng 5 năm 1959, Trung đoàn không quân vận tải đầu tiên, Trung đoàn 919, được thành lập. Đến ngày 20 tháng 8, Trung đoàn Huấn luyện không quân 910 cũng được thành lập.^[6]

Ngày 1 tháng 5 năm 1960, 6 sĩ quan^[7] và một chiến sĩ Lê Thành Chơn được triệu tập về Trường Văn hóa quân đội ở Lạng Sơn để ôn văn hóa và học tiếng Trung Quốc, chuẩn bị để đào tạo sĩ quan dẫn đường (hoa tiêu) trong lực lượng không quân. Cuối năm 1961, toàn bộ các học viên dẫn đường tốt nghiệp và về nước.

Ngày 30 tháng 5 năm 1963, Trung đoàn không quân tiêm kích 921, mật danh là Đoàn Sao Đỏ, được thành lập tại Trung Quốc, do Trung tá Đào Đình Luyện làm Trung đoàn trưởng, Thiếu tá Đỗ Long làm Chính ủy, Thiếu tá Trần Mạnh làm Trung đoàn phó, Thiếu tá Trần Văn Thọ làm Tham mưu trưởng^[8].

Ngày 10 tháng 7 năm 1963, một đơn vị đặc biệt mang phiên hiệu Trung đoàn 228B (trùng tên với trung đoàn cao xạ 228 để giữ bí mật) được thành lập. Về thực chất đây là đơn vị các cán bộ nòng cốt để xây dựng Trung đoàn tên lửa phòng không đầu tiên.

- Thành lập Quân chủng

Quân chủng Phòng không-Không quân Việt Nam được thành lập ngày 22 tháng 10 năm 1963 trên cơ sở sáp nhập Bộ Tư lệnh Phòng không và Cục Không quân.

Ngày 7 tháng 1 năm 1965, Bộ Quốc phòng ra quyết định số 03/QĐ-QP thành lập Trung đoàn cao xạ 236 ("Đoàn Sông Đà"). Thực chất, đây là trung đoàn tên lửa phòng không đầu tiên thuộc Bộ tư lệnh Phòng không - Không quân. Các cán bộ của trung đoàn đều từ đoàn 228B chuyển sang.

Ngày 6 tháng 8 năm 1964, trung đoàn tiêm kích 921 trở về nước. sau 1 năm huấn luyện, ngày 3 tháng 4 năm 1965, trung đoàn xuất kích đánh thắng trận đầu, bắn rơi 2 máy bay F-8 của Hải quân Mỹ. Ngày hôm sau, tiếp tục bắn hạ thêm 2 máy bay F-105 của Không quân Mỹ.

Ngày 22 tháng 4 năm 1965, lập Trung đoàn tên lửa 238 ("Đoàn Hạ Long") được thành lập. Ngày 19 tháng 5 năm 1965, thành lập Bộ Tư lệnh Phòng không Hà Nội (từ tháng 3 năm 1967 đổi là Sư đoàn phòng không 361) và Bộ Tư lệnh Phòng không Hải Phòng (từ tháng 3 năm 1967 đổi là Sư đoàn phòng không 363).

Ngày 4 tháng 8 năm 1965, Trung đoàn không quân tiêm kích thứ 2 là Trung đoàn 923, mật danh Đoàn Yên Thế, được thành lập, gồm 2 đại đội 17 phi công MiG-17, do Trung tá Nguyễn Phúc Trạch làm Trung đoàn trưởng, Trung tá Nguyễn Ngọc Phiếu làm Chính ủy. Không quân Việt Nam được trang bị thêm một số máy bay MiG-17F có bộ phận tăng lực.

Ngày 13 tháng 11 năm 1965, thành lập Trung đoàn tên lửa 257 ("Đoàn Cờ Đỏ"). Nay thuộc Sư đoàn phòng không 361.

Ngày 20 tháng 4 năm 1966, thành lập Trung đoàn ra đa 293, thuộc sư đoàn phòng không 361.

Ngày 30 tháng 5 năm 1966, thành lập 3 trung đoàn tên lửa phòng không 261 ("Đoàn Thành Loa"), 263, 267, thuộc Bộ Tư lệnh Quân chủng. Nay thuộc Sư đoàn phòng không 367.

Ngày 15 tháng 6 năm 1966, thành lập Bộ Tư lệnh Phòng không Q khu 4.

Ngày 21 tháng 6 năm 1966, thành lập Sư đoàn phòng không 367. Tiền thân là trung đoàn pháo cao xạ 367, thành lập ngày 1 tháng 4 năm 1953, chuyển thành Đại đoàn pháo cao xạ 367 ngày 21 tháng 9 năm 1954, trước đây thuộc Bộ Tư lệnh Pháo binh, sau này tách ra đặt dưới sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Phòng không (1958).

Ngày 23 tháng 6 năm 1966, thành lập Bộ Tư lệnh Phòng không Hà Bắc, đến 16 tháng 3 năm 1967 đổi tên thành Sư đoàn phòng không 365.

Ngày 23 tháng 3 năm 1967, thành lập các Binh chủng Ra-đa, Tên lửa Phòng không và Không quân.

Ngày 24 tháng 3 năm 1967, Sư đoàn không quân Thăng Long (phiên hiệu là Sư đoàn 371) tức Bộ tư lệnh không quân được thành lập, gồm các trung đoàn 921, 923, 919 và đoàn bay Z. Đây là Sư đoàn Không quân đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tháng 1 năm 1968, thành lập Sư đoàn phòng không 375 thuộc Bộ Tư lệnh Quân khu 4.

Ngày 27 tháng 5 năm 1968, thành lập Sư đoàn phòng không 377.

Tháng 3 năm 1972, thành lập Trung đoàn không quân thứ 3, Trung đoàn 927 ("Đoàn Lam Sơn").

Ngày 29 tháng 3 năm 1973, thành lập Sư đoàn phòng không 673 tại Bình - Trị - Thiên.

- Tách - nhập Quân chủng

Trong thời gian từ 16 tháng 5 năm 1977 đến 3 tháng 3 năm 1999, Quân chủng Phòng không-Không quân tách ra thành hai Quân chủng Phòng không và Không quân riêng biệt. Việc chia tách này phần nào áp đặt theo mô hình tổ chức của Liên Xô, vốn có lãnh thổ rộng lớn và tiềm lực quân sự mạnh, không phù hợp với đặc thù Việt Nam, có lãnh thổ nhỏ hẹp và tiềm lực quân sự yếu. Chính vì vậy, sau khi Liên Xô tan rã, mô hình 2 quân chủng cũng không còn phù hợp, cần tinh giản và gọn nhẹ trong bộ máy quản lý. Từ tháng 3 năm 1999, lại sáp nhập lại thành Quân chủng Phòng không - Không quân.

Ngoài ra quân đội ta hiện nay còn: thành lập một số lực lượng mới như: Cục tác chiến điện tử,...